Ngày soạn: .............. Ngày dạy: .........................

**TIẾT … - BÀI 39: DA VÀ ĐIỀU HÒA THÂN NHIỆT**

Thời gian thực hiện: … tiết

**I. MỤC TIÊU:  
1. Kiến thức:**

- Nêu được cấu tạo sơ lược và chức năng của da.

- Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc bảo vệ, làm đẹp da an toàn; vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da.

- Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học, các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.

- Nêu được khái niệm thân nhiệt,; thực hành được cách đo thân nhiệt và nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt.

Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân ổn định nhiệt ở người; vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hòa thân nhiệt.

- Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể; nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng; thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc cảm lạnh.

**2.1. Năng lực chung:**

***- Năng lực tự chủ và tự học:*** tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, bản thân và người xung quanh để tìm hiểu về da, cấu tạo và vai trò của da.

***- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*** thảo luận nhóm để tìm ra cách tiếp cận kiến thức về da, hợp tác trong thực hiện hoạt động quan sát hình ảnh về da, về các phương pháp chống nóng, chống lạnh; về cách đo thân nhiệt, cách sơ cấp cứu khi có người bị cảm nóng, cảm lạnh.

***- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*** GQVĐ trong thực hiện sơ cấp cứu người khi bị cảm nóng, cảm lạnh.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên:**

*- Năng lực nhận biết KHTN:* Trình bày được cấu tạo, vai trò của da, các bước thực hiện sơ cấp cứu người bị cảm. .

*- Năng lực tìm hiểu tự nhiên:* Nêu được các phương pháp chống nóng, lạnh; cách để làm đẹp da an toàn.

*- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* trình bày được cách sơ cấp cứu người bị cảm nóng, cảm lạnh; phương pháp bảo vệ da, chống nóng/lạnh. Thực hiện Csc bước sơ cấp cứu người bị cảm nóng/lạnh; các bước trang điểm, vệ sinh da an toàn.

**3. Phẩm chất:**

* Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:
* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về da và các vấn đề liên quan.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận về da, cách thực hiện các bước trong bảo vệ, làm đẹp da an toàn.
* Trung thực, cẩn thận trong thực hành.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Giáo viên:**

* Hình ảnh cấu tạo da, một số bệnh về da.
* Phiếu học tập “Khảo sát tình hình hình da và một số bệnh về da thường gặp” và phiếu học tập số 1, 2.

1. **Học sinh:**

* Bài cũ ở nhà.
* Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu:** (Xác định vấn đề học tập là tình trạng da của bản thân và một số bệnh da em thường gặp)

**a) Mục tiêu:**

- Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là tình trạng da của bản thân và một số bệnh da em thường gặp.

**b) Nội dung:**

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên phiếu điều tra, để kiểm tra kiến thức nền của học sinh về da, bệnh da và cách chăm sóc, thực trang vệ sinh da của HS.

**c)****Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh ghi trên phiếu điều tra....

**d)****Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

- GV chiếu phiếu Khảo sát và yêu cầu học sinh thực hiện cá nhân theo yêu cầu viết trên phiếu trong 3 phút.

***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS hoạt động cá nhân theo yêu cầu của GV. Hoàn thành phiếu học tập.

*- Giáo viên:* Theo dõi và bổ sung khi cần.

***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***

- GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, mỗi HS trình bày 1 nội dung trong phiếu.

- HS trình bày và nộp Phiếu khảo sát cho GV.

***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*- Giáo viên tổng kết Phiếu khảo sát.*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*

*->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học*Da là một cơ quan quan trọng, bao phủ toàn bộ cơ thể. Việc bảo vệ và làm đẹp cho da là một nhu cầu hàng ngày. Vậy làm sao để thực hiện điều đó một cách an toàn chúng ta vào bài học ngày hôm nay.

*->Giáo viên nêu mục tiêu bài học:*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Da ở người**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được cấu tạo sơ lược và chức năng của da.

- Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc bảo vệ, làm đẹp da an toàn; vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da.

- Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học, các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.

**b) Nội dung:**

- Học sinh làm việc cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát tìm hiểu cấu tạo và chức năng của da và trả lời các câu hỏi sau bằng cách điền vào PHT số 1 “Cấu tạo và chức năng của da”:

H1. Q/s h.39.1, em hãy xác định các thành phần của lớp biểu bì, lớp bì và lớp mỡ dưới da?

H2. Nêu chức năng các thành phần của da?

**PHT SỐ 1- CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA DA**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cấu tạo của da** | | **Chức năng** |
| **Lớp biểu bì** |  |  |
|  |  |
| **Lớp bì** |  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Lớp mỡ dưới da** |  |  |

**c)****Sản phẩm:**

- Nội dung PHT số 1.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2.1a: *Tìm hiểu về Cấu tạo và chức năng Da ở người*** | |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV giao nhiệm vụ học tập, tìm hiểu thông tin về Da trong SGK trả lời câu hỏi H1,H2.  - GV chiếu cho HS xem hình 39.1 (hoặc HS tự quan sát trong SGK)  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS quan sát, thảo luận, đưa ra câu TL và ghi chép nội dung hoạt động ra phiếu học tập.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên một cặp đôi HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*  - GV nhận xét và chốt nội dung và chiếu đáp án PHT. | **I. Da ở người:**  **1. Cấu tạo và chức năng của da**  - (PHT số 1) |
| **Hoạt động 2.1b: *Tìm hiểu một số bệnh về da*** | |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  ***Trò chơi: Ai nhanh hơn?***  ***H/đ nhóm 2 bàn.***  - GV giao nhiệm vụ cho HS yêu cầu HS nghiên cứu tài liệu và qua video và hoàn thành PHT số 2 (thời gian 5 phút).  Đội nào hoàn kể được nhiều bệnh và chính xác nhất là đội chiến thắng.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc tt SGK, xem video và ghi kết quả vào phiếu học tập số 2.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*  - GV nhận xét và chốt nội dung cách sử dụng và bảo quản kính lúp. | **2. Một số bệnh về da và bảo vệ da**  **a. Một số bệnh về da**  **(PHT số 2)** |
| **Hoạt động 2.1c: *Tìm hiểu Cách chăm sóc và làm đẹp da an toàn*** | |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  *(HĐN nhỏ theo cặp đôi)*  - GV giao nhiệm vụ cho HS yêu cầu HS nghiên cứu tt SGK và hình ảnh thực hiện theo hoạt động 2 và trả lời câu hỏi:  - Tại sao cần chăm sóc, bảo vệ da?  - Tại sao không nên lạm dụng kem, phấn trang điểm hàng ngày?  - Cần làm gì để bảo vệ, chăm sóc cho da khỏe đẹp an toàn?  - Giải thích vì sao giữ vs môi trường cũng là 1 biện pháp bv da?  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc, quan sát và thảo luận, thống nhất trả lời câu hỏi.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*  - GV nhận xét và chốt nội dung. | **b. Chăm sóc, bảo vệ da và làm đẹp da an toàn:**  - Da sạch có khả năng diệt khuẩn tới 85%, da bẩn chỉ diệt được khoảng 5%. VK xâm nhập gây ra nhiều bệnh nguy hiểm cho da và cơ thể.  - Cần chăm sóc bảo vệ da:  + Giữ vệ sinh da đúng cách tránh là xây xát, tổn thương da  + bảo vệ da ko tiếp xúc với ánh nắng gắt  + ko nên lạm dụng mĩ phẩm trang điểm làm đẹp da. Cần vs da sau khi trang điểm. |
| **Hoạt động 2.1d: *Tìm hiểu Một số thành tựu ghép da trong y học*** | |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  *(HĐN nhỏ theo cặp đôi)*  - GV giao nhiệm vụ cho HS yêu cầu HS nghiên cứu tt SGK và hình ảnh thực hiện theo hoạt động 2 và trả lời câu hỏi:  - Ghép da là gì?  - Ghép da có ý nghĩa gì?  - Nêu một số thành tựu ghép da mà em đã tìm hiểu trước đó?  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc, quan sát và thảo luận, thống nhất trả câu hỏi.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*  - GV nhận xét và chốt nội dung. | **3. Một số thành tựu ghép da trong y học**  - Ghép da : lấy 1 phần da di chuyển hoặc cấy ghép đến vùng khác trên cơ thể cần chúng. Giúp cứu chữa những người da bị tổn thương năng do bỏng, nhiễm trùng da,…  - Một số thành tựu:  + Năm 1960, Peter Medawar nhận giải Nobel cho công trình n/c c/m thải mảnh ghép da là hiện tượng MD chủ động. Tạo nền móng cho pt ghép tạng và liệu pháp chống thải mảnh ghép hiện đại  + Nay; ghép da là kt có rất nhiều thành tựu trong y học… |

**\* Hoạt động Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

**-** Hệ thống được một số kiến thức đã học.

**b) Nội dung:**

- Nêu các bước rửa mặt mà em thường thực hiện.

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

**c)****Sản phẩm:**

- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập KWL.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân :  - Nêu các bước rửa mặt mà em thường thực hiện.  - tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân.  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng. |  |

**\* Hoạt động Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

**b) Nội dung:**

- Tìm hiểu một số bệnh về da trong trường học hoặc khu dân cư rồi hoàn thành thông tin theo bảng 39.1 SGK.

**c)****Sản phẩm:**

- Kết quả điều tra mà HS thực hiện được theo bảng mẫu.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Yêu cầu mỗi nhóm HS hãy Tìm hiểu một số bệnh về da trong trường học hoặc khu dân cư rồi hoàn thành thông tin theo bảng 39.1 SGK.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  Các nhóm HS thực hiện điều tra theo nhóm (phân công mỗi cá nhân đảm nhận điều tra một vài hộ quanh hàng xóm nhà mình, hoặc một lớp trong trường)  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  Sản phẩm của các nhóm  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau. |  |

***\*Chuẩn bị bài mới****: Mỗi nhóm (1 bàn) chuẩn bị một chiếc nhiệt kế y tế điện tử và mang tới lớp trong tiết học sau. Nếu nhà trường có DCTH thì HS không cần thực hiện yêu cầu này.*

***Tiết 02****:*

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Điều hòa thân nhiệt ở người**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm thân nhiệt,; thực hành được cách đo thân nhiệt và nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt.

Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân ổn định nhiệt ở người; vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hòa thân nhiệt.

- Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể; nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng; thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc cảm lạnh.

**b) Nội dung:**

- Học sinh làm việc nhóm hoặc cá nhân nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát tìm hiểu thân nhiệt, cơ chế điều hòa thân nhiệt; vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt; các phương pháp phòng chống nóng, lạnh cho cơ thể.

**c)****Sản phẩm:**

- Sản phẩm của HS.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2.2a: Tìm hiểu Khái niệm thận nhiệt** | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Yêu cầu mỗi nhóm HS (cặp đôi) hãy đọc tt SGK, tl c.h và thực hiện đo thân nhiệt của bạn, ghi lại kết quả.  *- Thân nhiệt là gì?*  *- Tiến hành đo thân nhiệt cho bạn.*  *- Ý nghĩa của việc đo thân nhiệt trong cuộc sống?*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  Các nhóm HS thực hiện điều theo nhóm  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả (HS khác nx, bổ sung nếu có).  - HS nx về giá trị thân nhiệt chung của các bạn.  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV nx, chốt vấn đề  Lưu ý: khi đo thân nhiệt tùy theo cách đo, vị trí đo, tùy loại thiết bị đo mà có sai số nhất định. | **II. ĐIỀU HÒA THÂN NHIỆT Ở NGƯỜI**  **1. Khái niệm thân nhiệt**  - Thân nhiệt: nhiệt độ của cơ thể. Người bt, thân nhiệt ổn định khoảng 36,30C – 37,30C.  - Nếu thân nhiệt <360C, >380C thì sức khỏe cơ thể không đảm bảo. |
| **Hoạt động 2.2b: Tìm hiểu Vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người** | |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Yêu cầu mỗi nhóm HS (cặp đôi) hãy đọc tt SGK, q/s hình 39.3 và tl c.h  *- Việc duy trì thân nhiệt ổn định có ý nghĩa gì với sức khỏe? Điều gì xảy ra với sức khỏe nếu thân nhiệt của họ bị tăng/giảm?*  *- Cơ thể điều hòa thân nhiệt bằng cơ chế nào?*  *- Trình bày vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hòa thân nhiệt khi trời nóng/lạnh?*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  Các nhóm HS thực hiện điều theo nhóm  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả (HS khác nx, bổ sung nếu có).  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV nx, chốt vấn đề | **2. Vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người**  - Thân nhiệt được duy trì ổn định, đảm bảo các quá trình sống diễn ra bình thường, đảm bảo các phản ứng sinh hóa và enzym trong tế bào diễn ra tốt nhất.  - Cơ thể có cơ chế giúp duy trì thân nhiệt ổn định : Da và hệ TK có vai trò quan trọng trong điều hòa thân nhiệt.  + Khi trời nóng hay thân nhiệt tăng cao: thụ thể nhiệt độ trên da và trong thành mạch máu gửi tín hiệu về não -> não gửi tín hiệu tới mao mạch và cơ co chân lông giãn ra -> máu dồn về da làm tăng tỏa nhiệt qua da, lông ngả xuống, tăng tiết mồ hôi làm tăng thoát nhiệt => thân nhiệt giảm xuống  + (Và ngược lại khi trời lạnh) -> giảm mất nhiệt + phản xạ run tăng trao đổi chất trong tế bào để tăng quá trình sinh nhiệt. |
| **Hoạt động 2.2c: Một số phương pháp phòng chống nóng, lạnh cho cơ thể** | |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Yêu cầu mỗi nhóm HS (cặp đôi) hãy đọc tt SGK, và tl c.h:  *- Vào mùa đông và mùa hè em có thể làm gì để giữ ấm và chống nóng?*  *- TL câu hỏi trong SGK trang 163 nội dung 3.a?*  *- Giải thích ý nghĩa củaViệc trồng cây xanh, luyên tập TDTT trong việc phòng chống nóng/ lạnh cho cơ thể?*  *- Thế nào là cảm nóng? Cảm lạnh?*  *- Em đã gặp ai đó bị cảm như vậy chưa? Em thấy người lớn làm gì trong trường hợp đó?*  *- Để phòng chống cảm nóng, cảm lạnh chúng ta cần thực hiện những điều gì?*  *- Nếu gặp 1 trường hợp bị cảm nóng/lạnh thì chúng ta nên tiến hành cấp cứu như thế nào?*  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  Các nhóm HS thực hiện theo nhóm  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả (HS khác nx, bổ sung nếu có).  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV nx, chốt vấn đề | **3. Một số phương pháp phòng chống nóng, lạnh cho cơ thể**  **a. Phòng chống nóng, lạnh cho cơ thể**  - Chống nóng: mặc quần áo thoáng mát, đội mũ nón, tránh ra ngoài nắng, uống đủ nước, ....  - Chống lạnh: mặc đủ quần áo giữ ấm bằng vải giữ nhiệt tốt và khô ráo, ...  - Luyện tập TDTT, n uống can bằng dinh dưỡng và đủ chất để tăng cường sức khỏe.  **b. Phòng chống cảm nóng, cảm lạnh**  - Khi ở ngoài trời nắng quá lâu, trung tâm điều hòa thân nhiệt bị tác động gây rối loạn -> cảm nóng.  - Khi mưa lạnh, thay đổi thời tiết đột ngột, cơ thể dễ bị nhiễm vr đường hô hấp -> bị cảm lạnh.  - Phòng, chống:  + cảm nóng: ko nên ở quá lâu ngoài nắng, che nắng (đb vùng gáy), uống đủ nước, ...  + cảm lạnh: Giữ ấm cơ thể, vệ sinh mũi miệng, ăn uống đồ ấm nóng, ...  + Ăn uống đủ chất, rèn luyện TDTT để tăng đề kháng,... |

**3. Hoạt động Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

**-** Hệ thống được một số kiến thức đã học.

**b) Nội dung:**

- Nếu các bước tiến hành đo thân nhiệt bằng nhiệt kế y tế thủy ngân, nhiệt kế y tế điện tử.

- Thảo luận nhóm nhỏ về cách xử lí tình huống khi gặp người say nắng (cảm nóng) hoặc bị cảm lạnh.

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

**c)****Sản phẩm:**

- HS trình bày quan điểm cá nhân và đáp án chung cả nhóm .

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân :  - Nêu các bước đo thân nhiệt bằng nhiệt kế y tế.  - Thảo luận về xử lí tình huống.  - tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân.  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng. |  |

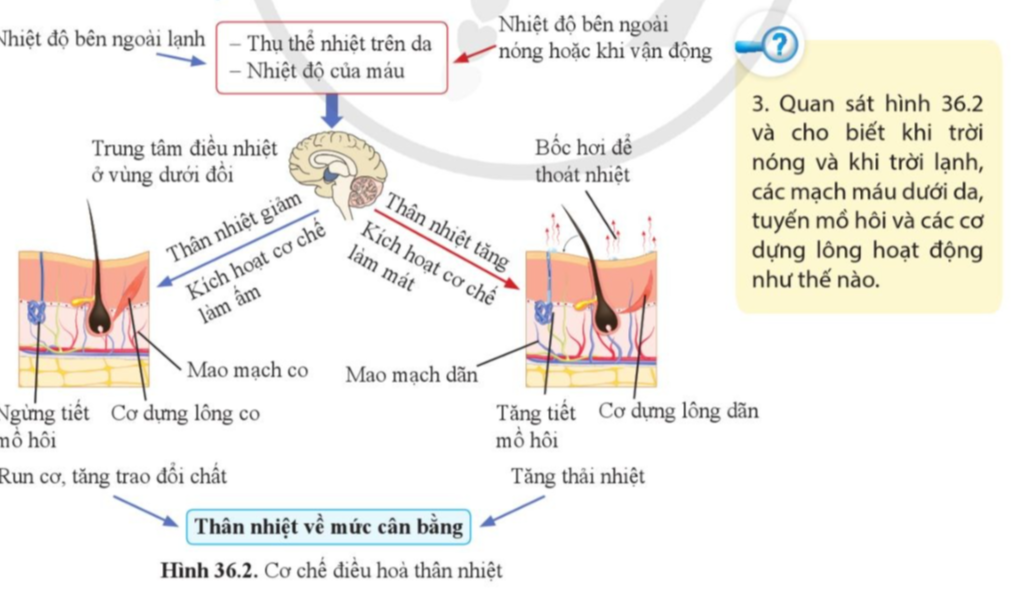
**4. Hoạt động Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

**b) Nội dung:**

*- Thực hiện yêu cầu sau:*

- .

****

- Nêu những biểu hiện, nguyên nhân, cách phòng chống cảm nóng/lạnh theo bảng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Cảm nóng | Cảm lạnh |
| Biểu hiện |  |  |
| Nguyên nhân |  |  |
| Cách phòng tránh |  |  |

**c)****Sản phẩm:**

- Kết quả mà HS thực hiện được theo bảng mẫu.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Yêu cầu mỗi HS hãy thực hiện y/c trên ngoài giờ lên lớp.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  Sản phẩm của các nhóm  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau. |  |

***\*Chuẩn bị bài mới****: Đọc bài mới trước khi tới lớp .*

**PHT - Khảo sát về da và một số bệnh về da thường gặp**

**Bạn vui lòng trả lời một số câu hỏi sau:**

1. Bạn có làn da: ☐Trắng ☐Nâu ☐Đen

2. Hàng ngày bạn vệ sinh mặt của mình như thế nào?

3. Bạn có sử dụng sản phẩm gì đề bảo vệ da của mình hay không? Nếu có, đó là sản phẩm gì?

4. Bạn có sử dụng sản phẩm gì để làm đẹp cho làn da của mình không? Nếu có thì đó là sản phẩm gì? Mức độ sử dụng có thường xuyên không?

☐Có ☐Thỉnh thoảng mới dùng

☐Không ☐Thường xuyên dùng

5. Tình trạng mụn trứng cá trên da bạn thế nào?

☐Không có ☐Thỉnh thoảng có ☐Rất nhiều

6. Bạn có gặp các bệnh về da khác hay không? Nếu có, đó là bệnh gì?

7. Nếu chấm theo thang điểm 10 thì bạn chấm cho làn da của mình bao nhiêu điểm?

**PHT SỐ 1- CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA DA**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cấu tạo của da** | | **Chức năng** |
| **Lớp biểu bì** | Tầng sừng | - Bảo vệ cơ thể, chống lại các yếu tố môi trường và , .  - Tạo vẻ đẹp cho cơ thể |
| tầng tế bào sống |
| **Lớp bì** | Thụ quan | - Nhận biết các kích thích của môi trường |
| tuyến nhờn | - chống thấm nước và mất nước, sự xâm nhập của vi khuẩn |
| cơ co chân lông | - Bài tiết  - Điều hòa thân nhiệt bằng tiết mồ hôi nhờ co/giãn cơ co chân lông, co/giãn mạch máu dưới da  - Bài tiết qua tuyến mồ hôi |
| lông và bao lông |
| tuyến mồ hôi |
| mạch máu |
| dây thần kinh | - Nhận biết các kích thích từ môi trường |
| **Lớp mỡ dưới da** | Các tế bào mỡ | - Tạo lớp đệm bảo vệ cơ thể khỏi các tác động cơ học (ngã, va đập,…) |

**PHT SỐ 2: AI NHANH HƠN?**

**Hoạt động nhóm (2 bàn = 1 nhóm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên bệnh** | **Đặc điểm, triệu chứng của bệnh** | **Nguyên nhân gây bệnh** | **Cách phòng, chữa** |
| 1. Hắc lào | Trên da xuất hiện các vùng tổn thương dạng tròn, đóng vảy, ngứa,… | Nấm | Giữ vệ sinh, mặc quần áo thoáng mát, … |
| 2. Lang ben | Xuất hiện các vùng da lốm đốm trắng hơn bình thường,… | Nấm | Giữ vệ sinh, mặc quần áo thoáng mát, … |
| 3. Mụn trứng cá | Da xuất hiện các mụn nhỏ đầu đen, trắng, có nhân bên trong, thậm chí mụn mủ do viêm | Do nang lông bị bít tắc do tế bào chết hoặc chất nhờn tiết quá nhiều… ở tuổi dậy thì | VS da sạch sẽ, tránh xây xát, không nên nặn mụn khiến tổn thương sâu thành sẹo, … |
| 4. |  |  |  |
| 5. |  |  |  |
| ….. |  |  |  |